



# 國立教育廣播電臺 越南好行-實用觀光越南語.

## 第三集

### 詞彙：

- |          |     |
|----------|-----|
| 1. cho   | 給   |
| 2. tôi   | 我   |
| 3. một   | 一   |
| 4. tô    | 碗   |
| 5. phở   | 河粉  |
| 6. bò    | 牛   |
| 7. tái   | 半熟  |
| 8. chín  | 九、熟 |
| 9. bảy   | 七   |
| 10. tám  | 八   |
| 11. mười | 十   |

### 用越南語講數字7到10：

越南語	中文
• bảy	七
• tám	八
• chín	九
• mười	十

句型：

給我..... Cho tôi.....

- Cho tôi một tô phở bò tái.

給我一碗半熟的牛肉河粉

- Cho tôi một tô phở bò chín.

給我一碗熟的牛肉河粉

- Cho tôi hai tô phở bò tái.

給我兩碗半熟的牛肉河粉



## 文化教室：越南人喜歡數字9

老師：“chín”除了數字「9」的意思，還有另外個意思是「熟了」的意思，例如說：香蕉熟了，或者談到越南美食不得不談到越南牛肉河粉，那麼牛肉河粉在越南通常會有兩種：全熟的牛肉和半熟牛肉。你走進來的時候老闆會問你要半熟還是全熟牛肉。

學生：對啊，我很喜歡吃牛肉河粉，但是不知道怎麼說我要吃全熟的牛肉。

老師：我們可以說：“phở bò chín”，“phở bò”是「牛肉河粉」的意思。全熟的牛肉河粉phở bò chín.

學生：phở bò chín.

學生：如果我要點半熟的牛肉河粉呢？

老師：半熟的牛肉河粉 phở bò tái， “tái”是「半熟」的意思。

我們可以說：給我一碗半生熟的牛肉河粉 Cho tôi một tô phở bò tái.

“Cho”是「給」的意思，“tôi”是「我」的意思，“một”是「一」的意思，“tô”是「碗」的意思，“phở bò tái”是「半熟的肉河粉」的意思。

學生：給我一碗半熟的牛肉河粉 Cho tôi một tô phở bò tái.

老師：給我一碗熟的牛肉河粉 Cho tôi một tô phở bò chín.

學生：給我一碗熟的牛肉河粉 Cho tôi một tô phở bò chín.

老師：如果說給我兩碗半熟的牛肉河粉，我們會怎麼說呢？

學生：「兩」是“hai”，「兩碗」是“hai tô”。所以給我兩碗半熟的牛肉河粉，我們會說：Cho tôi hai tô phở bò tái.

老師：很好！Cho tôi hai tô phở bò tái.

學生：老師，越南人是不是很喜歡數字9呢？

老師：是啊，越南人非常喜歡數字9，他們認為9是王權是永久長壽的象徵。

學生：難怪我的越南朋友買手機號碼也很喜歡選擇9這個數字。

老師：如果機車號碼牌有九這個數字大家也很喜歡呢。